

Mỹ Tho, ngày 06 tháng 3 năm 2024

PHẦN I. BÁO CÁO
Hoạt động y tế tháng 03 năm 2024
(Từ ngày 05/02/2024 - 04/03/2024)

- Tổng dân số TPMT: 231.779
Trong đó: - Nam: 108.459
- Nữ: 123.320
- Số xã, phường, thị trấn: 17
- Số ấp, khu phố: 122

A. CUNG ỨNG DỊCH VỤ Y TẾ:

I. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG:

1. Quản lý dịch tễ, bệnh truyền nhiễm

- Trong tháng 02/2024 trong 32 bệnh truyền nhiễm quản lý có 03 bệnh có ca bệnh xảy ra gồm: Sốt xuất huyết: 11/14/19 (Bổ sung tháng 01: 01 ca, cộng dồn: 25 ca). Tay chân miệng: 17/38/11, (Bổ sung tháng 01: 02 ca, cộng dồn: 55 ca). Tiêu chảy: 03/01/04 (cộng dồn: 04 ca).

- Bệnh SXH giảm 21.43% so với tháng trước, giảm 42.11% so với cùng kỳ và giảm 19.35% so với cộng dồn năm 2023.

- Bệnh TCM giảm 55.26% so với tháng trước, tăng 54.55% so với cùng kỳ và tăng 89.66% so với cộng dồn năm 2023.

Giải thích số liệu tháng: - Số liệu tháng báo cáo / tháng trước liên kê / số liệu cùng kỳ năm trước.

- Tăng, giảm là so sánh với tháng trước liên kê

- Cộng dồn là số liệu từ đầu năm báo cáo đến thời điểm hiện tại

2. Dự án phòng chống sốt xuất huyết dengue (SXHD)

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Số ca mắc SXHD/100.000 dân, ($\leq 150/100.000$ dân)	người	≤ 150	14	11	25	16,66%	11
Ca mắc độ C	người		0	0	0		0
Tỷ lệ chết/mắc do sốt xuất huyết (%)	%	0.09	0		0		0
Mẫu phân lập vi rus		12	0		0		0
Mẫu XN huyết thanh		26	0		0		0
Khác							

Công tác xử lý ổ dịch

Phường xã	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Số ổ dịch được xử lý trong tháng	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Phường 1	ổ dịch		0	0	0		0
Phường 2	ổ dịch		0	0	0		0
Phường 3	ổ dịch		0	0	0		0
Phường 4	ổ dịch		0	1	1		0
Phường 5	ổ dịch		0	1	1		0
Phường 6	ổ dịch		0	1	1		0
Phường 7	ổ dịch		0	0	0		0
Phường 8	ổ dịch		0	0	0		0
Phường 9	ổ dịch		0	0	0		0
Phường 10	ổ dịch		2	0	2		0
Phường Tân Long	ổ dịch		0	0	0		0
Xã Tân Mỹ Chánh	ổ dịch		0	0	0		1
Xã Mỹ Phong	ổ dịch		2	0	2		0
Xã Đạo Thạnh	ổ dịch		0	1	1		0
Xã Trung An	ổ dịch		1	0	1		0
Xã Phước Thạnh	ổ dịch		0	2	2		0
Xã Thới Sơn	ổ dịch		0	1	1		1
Tổng cộng			5	7	12		2

3. Công tác tiêm chủng mở rộng

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Trẻ < 1 tuổi đạt miễn dịch cơ bản	Trẻ	2776	149	221	370	13,33%	233
VAT2 + thai phụ	người	2776	148	133	281	10,12%	196
Trẻ sinh ra được phòng uốn ván	Trẻ	2776	144	174	318	11,46%	178
Tiêm ngừa viêm gan siêu vi B trẻ < 24 giờ ($\geq 70\%$)	Trẻ	2776	135	148	283	10,19%	151
Tiêm ngừa viêm não nhật bản B mũi 1	Trẻ	2410	175	175	350	14,52%	316
Tiêm ngừa viêm não nhật bản B đủ 2 mũi	Trẻ	2410	186	194	380	15,77%	203
Tiêm ngừa viêm não nhật bản B nhắc mũi 3	Trẻ	2636	125	148	273	10,36%	325
Tiêm Sởi - Rubella cho trẻ 18 tháng	Trẻ	2457	182	220	402	16,36%	332
Tiêm DPT mũi nhắc cho trẻ 18 tháng	Trẻ	2457	364	309	673	27,39%	257

Tình hình vắc xin thiếu:

1. Tháng 02/2024 thiếu vắc xin SII và IPV (Bại liệt) cho trẻ dưới 12 tháng tuổi.

4. Công tác phòng chống sốt rét

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Số bệnh nhân sốt rét	Người	0	0	0	0		0
Số ký sinh trùng sốt rét (+) ngoại lai	KST	0	0	0	0		0
Số bệnh chết do sốt rét	Người	0	0	0	0		0
Số lam phát hiện	Lam	200	9	36	45	22,50%	35
Số lượt điều trị	lượt	11	0	0	0	0,00%	0

* Công tác diệt côn trùng

Nội dung	Muỗi		Ruồi		Chuột		Cùng kỳ
	T03	Cộng dồn	T03	Cộng dồn	Quý	Cộng dồn	
1. GIÁM SÁT CÔN TRÙNG:							
Số lần	-	2	0	2	1 lần	1	
Mật độ trung bình (con/nhà)	-		-				
Chỉ số Breteau BI	-						
Chỉ số nhà có gậy (%)	-						
Chỉ số vật chứa có lăng quăng (%)	-						
Chỉ số bọ chết	-						
2. DIỆT CÔN TRÙNG:	SỐ LẦN		SỐ HỘ PHUN		SỐ NGƯỜI BẢO		Cùng kỳ
	T03	Cộng dồn	T03	Cộng dồn	T03	Cộng dồn	
Muỗi	14	24	442	772	1.768	3.088	

5. Công tác HIV/AIDS

Nội dung	ĐV tính	Phát hiện mới	Chuyển AIDS	Tử vong
Trong tháng	người	2	0	0
Năm 2024	người	18	0	1
Tích lũy	người	1012	337	337

6. Công tác y tế công cộng

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
1. Công tác sức khỏe môi trường							
1.1. Cơ sở y tế được kiểm tra chất thải y tế (17 cơ sở)	lượt	34	0	0	0	0,00%	0

- Số đạt tiêu chuẩn vệ sinh	lượt		0	0	0	100,00%	0
1.2. Kiểm tra vệ sinh trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn	trạm	12	0	0	0	0,00%	0
- Số mẫu giám sát trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn	mẫu	0	0	0	0		0
+ Vi sinh	mẫu	0	0	0	0		0
+ Lý hóa	mẫu	0	0	0	0		0
2. Kiểm tra y tế học đường							
Khối mầm non	Trường	30	1	0	1	100,00%	10
Khối tiểu học	Trường	19	2	0	2	10,53%	7
Trung học cơ sở	Trường	12	0	0	0	0,00%	1
Số trường khám sức khỏe	Trường	60	0	0	0	0,00%	18
3. Công tác sức khỏe nghề nghiệp							
Số cơ sở kiểm tra an toàn vệ sinh lao động (29 cơ sở)	lượt	58	3	5	8	13,79%	2
Số cơ sở được khám sức khỏe công nhân	Cơ sở	29	0	0	0	0,00%	1
Số người khám SKĐK	Người		0	0	0	0,00%	55
Số khám BNN	Người		0	0	0	0,00%	0
Số cơ sở quan trắc môi trường lao động	Cơ sở	29	6	0	6	20,69%	0
Số cơ sở thuốc trừ sâu kiểm tra (7 cơ sở)	lượt	14	2	0	2	14,29%	3
Số vụ ngộ độc TTS	vụ		0	0	0		0
Số người chết	người		0	0	0		0
Tai nạn lao động	vụ		0	0	0		0
Số người chết	người		0	0	0		0

7. Hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Số vụ ngộ độc thực phẩm	Vụ	0	0	0	0		0
Số vụ ngộ độc trên 50 người mắc	Vụ	0	0	0	0		0
Số tử vong do ngộ độc thực phẩm	người	0	0	0	0		0
Cơ sở được thanh tra, kiểm tra trong tháng	Cơ sở	≥80%	43	21	64		
Số cơ sở thanh kiểm tra liên ngành.	Cơ sở	-	3	0	3		13

Số mẫu kiểm tra chất lượng □	Mẫu		0	0	0		0
Số mẫu đạt tiêu chuẩn vi sinh/ tổng số xét nghiệm	Mẫu	-	0	0	0		0
Số mẫu đạt tiêu chuẩn lý hóa /tổng xét nghiệm	Mẫu	-	0	0	0		0

- Phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thẩm định cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm 11 cơ sở.

8.1 Phòng chống rối loạn do thiếu iode

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Số lượt đến khám, tư vấn về bệnh lý tuyến giáp	lượt	0	225	68	293		93
Số lượt người mắc bướu giáp đơn thuần	lượt	0	55	23	78		23
Số lượt người mắc cường giáp	lượt	0	121	28	149		35
Số lượt người suy giáp	lượt	0	26	7	33		5
Số lượt người viêm tuyến giáp	lượt	0	0	0	0		0
Chẩn đoán khác	lượt	0	23	10	33		30
Số lượt người mắc bệnh lý tuyến giáp khám và điều trị tại TTYT	lượt	0	0	0	0		0
Số lượt người mắc bệnh lý tuyến giáp được chuyển tuyến	lượt	0	225	68	293		93
Số trẻ 8-10 tuổi đến khám bệnh lý tuyến giáp	lượt	0	1	0	1		0
Số trẻ 8-10 tuổi mắc bệnh lý tuyến giáp	lượt	0	1	0	1		0

9. Công tác sức khỏe sinh sản và chương trình suy dinh dưỡng

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Đặt vòng tránh thai	người	190	10	25	35	18,42%	15
Thuốc tiêm tránh thai mới	"	3	0	1	1	33,30%	2
Tổng số lần khám phụ khoa	Lần	3.800	497	376	873	22,97%	473
Tổng số người khám phụ khoa	người		350	276	626		441
Tổng số người điều trị phụ khoa	"	2.580	278	249	527	20,43%	312
Tổng số người có thai	"		306	189	495		223
Tổng số lần khám thai	Lần		659	555	1.214		653
Tổng số thai phụ tiêm VAT mũi 2	người		107	147	254		174
Tổng số đẻ	"		107	147	254		174

Thuốc cấy	"		0	0	0		0
Đình sản	"		0	0	0		0
Sàng lọc trước sinh	trẻ	≥ 66%	27	14	41	36,82	0
Sàng lọc sơ sinh	trẻ	≥ 90%	0	0	-		0
Tổng số trẻ < 5 tuổi	trẻ		11	11276	11.276		11.590
Số trẻ suy dinh dưỡng cân nặng / tuổi	trẻ		734	734	734		767
Số trẻ suy dinh dưỡng chiều cao / tuổi	trẻ		792	792	792		833
Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng theo cân nặng/ tuổi	%	<6,6%	6.54	6,54	6.54		6,6
Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng theo chiều cao/ tuổi	%	<7,2%	7,1	7,05	7,05		7,2
Tỷ suất chết mẹ 17/100.000 trẻ đẻ sống	‰	<17‰	0	-	0	Đạt	0,00
Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	<9,4‰	0	-	0	Đạt	0,00
Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi	‰	<10,9 ‰	0	-	0	Đạt	0,0

10. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (KHHGD) cộng đồng:

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Vòng tránh thai mới	người	1.280	19	24	43	3,36%	67
Thuốc cấy mới	"	8	0	0	0	0,00%	0
Thuốc tiêm tránh thai	"	689	0	596	596	86,50%	606
Thuốc uống tránh thai	"	10.621	0	10370	10.370	97,64%	10.210
Bao cao su	"	7.599	0	7913	7.913	104,13%	7.629
Cộng:		20.197		18903	18.922	93,69%	18.512
Số trẻ sinh ra sống trong tháng	người		121	130	251		95
Tỷ lệ con thứ 3+	%		0	-	-		5,2
Tỷ suất sinh thô (CBR)	‰	≥12,48	0	-	-		0
Sàng lọc trước sinh	%	≥66	4,8	24,3	24,3	36,82	46,18
Sàng lọc sơ sinh	%	≥90	14,05	22,8	22,8	25,33	63,55

- Đài Truyền thanh-Truyền hình thành phố Mỹ Tho phát thanh chuyên mục Dân số và Đài truyền thanh phường, xã phát thanh tổng cộng trong tháng phát thanh 17 lần. Tiếp tục truyền thông, tư vấn cho phụ nữ chưa con và 01 con các nội dung về dân số và phát triển; Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trong tháng,150 thai phụ thực hiện sàng lọc trước sinh, nâng tổng số thai phụ thực hiện sàng lọc trước sinh từ đầu năm tới nay là 175/720 thai phụ. Kết quả không có bất thường.Sàng lọc sơ sinh: trong tháng 02/2024 thu thập 20 trẻ sàng lọc sơ sinh; nâng tổng số từ đầu năm tới nay có 37 /162 trẻ mới sinh được sàng lọc sơ sinh. Kết quả không phát hiện bất thường.

- Trong tháng 02/2024 tư vấn cho 16/16 đôi nam, nữ đến đăng ký kết hôn lần 1 tại UBND xã, phường về các nội dung liên quan đến công tác dân số trong tình hình mới, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; Nâng tổng số từ đầu năm đến nay là 31/31 cặp.

Khám sức khỏe tiền hôn nhân: 03 cặp; nâng tổng số từ đầu năm tới nay 03/16 cặp vợ chồng mới đăng ký kết hôn có khám sức khỏe tiền hôn nhân; tỷ lệ: 18,72%

11. Công tác quản lý bệnh lao

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Số người thử đàm phát hiện	người	1.487	21	16	37	2,49%	37
Tổng số Bn lao có bằng chứng vi khuẩn học thu dung điều trị	người	174	17	15	32	18,39%	14
Lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học thu nhận điều trị (M+)	người	136	16	12	28	20,59%	13
Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học thu nhận điều trị (M-)	người	21	3	0	3	14,29%	1
Lao ngoài phổi thu dung điều trị	người	40	1	4	5	12,50%	0
Lao phổi điều trị lại (thất bại, điều trị lại sau bỏ trị, tiền sử điều trị khác)	người	5	1	3	4	80,00%	1
Tổng số bệnh lao phát hiện điều trị	người	208	21	19	40	19,23%	21
Tổng số Bn lao điều trị lành 93%	người	194	27	20	47	24,23%	17
Tổng số Bn lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học âm hóa 93%	người	162	22	14	36	22,22%	14
TS người xét nghiệm tầm soát HIV/ TS BN lao thu nhận thực tế > 90% 40 BN)	người	90%	4	12	16	40,00%	19

Tỷ lệ BN lao XN GeneXpert/TS BN lao phổi(âm, dương) thu nhận điều trị (35 BN)	%	90%	19	13	32	91,43%	14
Tỷ lệ phát hiện bệnh nhân lao kháng thuốc	%	9	4	3	7	77,78%	2
Chỉ tiêu lao tiềm ẩn ở trẻ em thu nhận và điều trị IPT	người	2	0	0	0	0,00%	0

12. Công tác chống phong và bệnh da liễu

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
12.1 Bệnh phong							
Tổng số người quản lý	người	22	0	0	22	100,00%	0
Bệnh nhân phong mới phát hiện	người	1	0	0	0		0
Bệnh nhân phong tàn tật độ II	người	21	0	0	0	0,00%	0
Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật	lượt	21	0	0	0	0,00%	0
Giám sát	người	1	0	0	1		0
Tuyên truyền giáo dục kiến thức phong cho học sinh cấp 2	người	4.000	0	0	0	0,00%	0
12.2 Bệnh Da Liễu		0		0			
Bệnh giang mai mới phát hiện	người		0	0	0		0
Tổng số dân khám nhóm	người	3.000	0	0	0	0,00%	0
Các phương pháp khác	người	10.000	3.295	1368	4.663	46,63%	3314
12.3 Bệnh lây qua đường tình dục				0			
Viêm âm đạo do trùng roi âm đạo	người		0	0	0		0
Viêm âm đạo do candida	người		0	0	0		0
12.4 Xét nghiệm				0			
Thử BH (phong)	người		0	0	0		0
Thử RPR/VDRL (giang mai)	người	150	38	21	59	39,33%	20
Thử tiết chất	người	300	55	26	81	27,00%	18

13. Công tác phòng chống mù lòa

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Tổng số lần khám	Lượt		1.980	710	2.690		770
Trong đó: Đục thủy tinh thể (TTT)	Lượt		452	187	639		239
Đục TTT có chỉ định	Lượt		341	154	495		203

Số xã triển khai phòng chống mù lòa	Lượt	17	0	0	0	0,00%	0
- Số trường học khám sức khỏe	Lượt	8	0	0	0	0,00%	0

14. Chương trình sức khỏe tâm thần cộng đồng

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
- Số phát hiện bệnh nhân mới	người	25	0	0	0	0,00%	0
+ Động kinh	người	1	0	0	0	0,00%	0
+ Tâm thần phân liệt	người	2	0	0	0	0,00%	0
+ Tâm thần khác	người	2	0	0	0	0,00%	0
+ Trầm cảm	người	20	0	0	0	0,00%	0
- Số bệnh nhân quản lý	người	1290	1288	1287	1287	99,77%	1261
+ Động kinh	người	223	222	222	222	99,55%	225
+ Tâm thần phân liệt	người	299	297	297	297	99,33%	307
+ Tâm thần khác	người	646	646	646	646	100,00%	634
+ Trầm cảm	người	122	122	122	122	100,00%	95

15. Hoạt động Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng:

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
1. Tổng số điều trị ngoại trú	Lượt		8.373	1.935	10.308		5.054
- Số khám bệnh (kể cả kết hợp y học hiện đại)	Lượt		5.577	1.091	6.668		3.845
- Số điều trị không dùng thuốc	Lượt		2.017	546	2.563		986
2. Tổng số điều trị nội trú (kết hợp)	Lượt		0	0	0		1

II. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

Nội dung	ĐV tính	Chỉ tiêu	Đã thực hiện	Tháng 3	Cộng dồn	% so với KH	Cùng kỳ
Số giường bệnh khối điều trị	giường	50	50	50	50	100,00%	50
Giường lưu Phường xã	“	85	85	85	85	100,00%	85
1.Tổng số lượt khám chữa bệnh ngoại chẩn (1.1+1.2)	lượt	300.000	84.684	32.764	117.448	39,15%	38.315
Trong đó:							
1.1. 17 Trạm Y tế phường xã:		200.000	45.810	19.338	65.148	32,57%	22.491
Trong đó: tại Trạm Y tế (TYT)	“		12.403	5.226	17.629		4.745
Bảo hiểm y tế	“		8.552	3.713	12.265		3.556

1.2. Tổng số khám bệnh điều trị tại Trung tâm Y tế (a+c)	“	100.000	38.874	13.426	52.300	52,30%	15.824
Trong đó: Nữ			19.760	7.042	26.802		8.219
Bảo hiểm y tế	“		32.819	11.743	44.562		13322
a. Hoàn tất khám	“		33.098	11.871	44.969		13.559
b. Chuyển tuyến (ngoại chấn+cc)	“		10.606	2.825	13.431		2.871
c. Khám sức khỏe (5 chuyên khoa * số người) (KSK công ty 327 + 287 người)	“		5.630	1.555	7.185		2.265
d. Cấp cứu	“		702	248	950		170
1. 3. Tai nạn chung	“		88	45	133		31
Trong đó: Tai nạn giao thông	“		29	15	44		9
Tai nạn lao động	“		15	2	17		4
2. Điều trị nội trú							
-Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú	người	2.800	90	25	115	4,11%	54
Trong đó: Nữ	người		70	17	87		39
Bảo hiểm y tế	lượt		88	25	113		51
-Tổng số ngày điều trị nội trú	ngày	14.000	478	98	576	4,11%	308
-Công suất sử dụng giường bệnh	%	65	15,93	6,53	12,80	19,69%	21
-Số ngày điều trị bình quân 1 bệnh nhân	ngày	5	5,31	3,92	5,01	100,17%	5,70
-Ngày sử dụng giường bệnh bình quân/tháng	ngày	24	4,78	1,96	3,84	16,00%	6,16
3. Tổng số bệnh nhân điều trị ngoại trú (có bệnh án)	người		237	109	346		115,00
3.1. Tại TYT Phường xã:	Lượt		124	49	173		43
+ Nữ	Lượt		50	20	70		23
+ Bảo hiểm y tế	Lượt		111	45	156		43
+ Số ngày điều trị ngoại trú	ngày		619	248	867		242
3.2. Tại Trung tâm Y tế	Lượt		113	60	173		72
+ Nữ	Lượt		60	31	91		41
+ Bảo hiểm y tế	Lượt		88	57	145		71
+ Số ngày điều trị ngoại trú	ngày		678	481	1.159		389
4. Phẫu thuật, thủ thuật							
Loại 1	người		6	5	11		10
Loại 2	người		896	213	1.109		178
Loại 3	người		235	70	305		129

Loại khác	người		53	16	69		43
5. Xét nghiệm- cận lâm sàng							
5.1. Xét nghiệm điều trị	lượt		10.295	3.704	13.999		5744
- Huyết học	"		760	188	948		394
trong đó: nội trú	"		39	5	44		38
- Sinh hóa	"		9.105	3.318	12.423		5.129
trong đó: nội trú	"		267	18	285		43
- Vi trùng	"		430	198	628		221
trong đó: nội trú	"		0	1	1		0
5.2. Xét nghiệm dự phòng	"						
- Vi sinh đường ruột	mẫu	330	57	18	75	22,73%	39
Trong đó: mẫu dương tính	"		0	0	0		0
- Ký sinh trùng đường ruột	"	200	38	5	43	21,50%	38
Trong đó: mẫu dương tính	"		0	0	0		
- Ký sinh trùng sốt rét	"	300	22	23	45	15,00%	50
TĐó: mẫu dương tính	"		0	0	0		
- Phân lập sốt xuất huyết	"	12	2	0	2	16,67%	1
- Elisa sốt xuất huyết	"	26	2	0	2	7,69%	1
- Xét nghiệm HIV	mẫu	300	554	60	614	204,67%	
TĐó: mẫu dương tính	"		3	0	3		
6. Siêu âm	lượt		1486	568	2.054		749
trong đó: nội trú	"		28	6	34		6
7. Điện tim	"		431	214	645		225
trong đó: nội trú	"		3	1	4		3
8. X quang	"		590	211	801		289
trong đó: nội trú	"		13	5	18		6
9. Nội soi	"		8	0	8		17
trong đó: nội trú	"		0	0	0		0
10. Đo hô hấp ký	"		0	0	0		33
trong đó: nội trú	"		0	0	0		0

B. NỘI DUNG:

1. Công tác trọng tâm:

- Tổ chức Họp mặt kỷ niệm 69 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955-27/02/2024).
- Tham dự lễ giao nhận quân năm 2024.
- Đảm bảo công tác y tế trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Thực hiện trực và báo cáo đầy đủ.

- Tham dự tập huấn nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi cho bác sĩ tuyến huyện, xã do Chi cục Dân số- KHHGĐ tổ chức.

2. Công tác dự phòng

- Tập trung giám sát, phát hiện và xử lý các bệnh truyền nhiễm và dịch, đặc biệt quan tâm đến dịch bệnh Tay Chân Miệng, quai bị, thủy đậu, đau mắt đỏ ở các trường Mầm non. Giám sát côn trùng theo kế hoạch định kỳ ở 02 điểm cố định, điều tra côn trùng theo tỷ lệ 30% của ổ dịch nhỏ được xử lý. Giám sát phát hiện, quản lý theo dõi hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS.

- Quản lý và theo dõi tình hình điều trị các ca SR (+) ngoại lai đang ở tại Thành phố. Kiểm tra giám sát tình hình dân di biến từ những vùng Sốt rét lưu hành về TP.

- Thực hiện kế hoạch 1X và 2X cho công tác tầm soát lao chủ động. Thực hiện test IDR cho các đối tượng nguy cơ cao và điều trị dự phòng lao cho các đối tượng này theo tiêu chuẩn của Chương trình chống Lao quốc gia. Tư vấn lấy máu xét nghiệm HIV cho bệnh nhân lao đang điều trị tại tổ lao. Giám sát công tác quản lý, điều trị bệnh nhân lao kháng thuốc của 05 đơn vị. Tiếp tục hoàn thiện khám chữa bệnh lao theo Bảo hiểm y tế tại Khoa liên chuyên khoa; gửi mẫu đàm làm xét nghiệm Xpert bệnh nhân lao mới và bệnh nhân lao kháng thuốc theo quy định.

- Thực hiện quan trắc môi trường. Kiểm tra An toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở. Phối hợp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Văn phòng Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

3. Công tác điều trị:

Thực hiện công tác chuyên môn khám chữa bệnh.

Duy trì dịch vụ kỹ thuật nội soi đại tràng, đo hô hấp ký để tăng nguồn thu cho đơn vị; tiếp tục triển khai thực hiện các kỹ thuật mới: nghiệm pháp dung nạp Glucose, siêu âm hình thái thai, chụp ảnh đáy mắt không huỳnh quang, quy trình kỹ thuật định lượng FT3, quy trình kỹ thuật định lượng FT4, quy trình kỹ thuật định lượng TSH, xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin-Prep-Pap

4. Hoạt động Phường Xã:

- Tăng cường tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch bệnh.
- Phối hợp Khoa Kiểm soát bệnh tật thực hiện tiêm ngừa vắc xin phòng bệnh cho trẻ em và vắc xin Covid 19 theo qui định.

- Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm mùa vụ tết Nguyên đán năm 2024.

- Duy trì thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã.

5. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ):

- Tiếp tục truyền thông, tư vấn cộng đồng các nội dung liên quan đến công tác dân số như: nâng cao chất lượng dân số, nâng cao mức sinh, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe tiền hôn nhân...

- Tập trung các hoạt động chuyên môn, tiếp tục thu thập số thai phụ, số người thực hiện sàng lọc trước sinh, số trẻ có sàng lọc sơ sinh để quản lý và cập nhật vào kho dữ liệu. Thực hiện truyền thông Ngày Thế giới phòng chống ung thư (ngày 04/02).
- Lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển thanh niên thành phố Mỹ Tho năm 2024. Lập kế hoạch kinh phí Nghị quyết số 17/2021 Nghị quyết ngày 17/9/2021 của HĐND tỉnh Tiền Giang năm 2024.

6. Hoạt động khác:

6.1. Hoạt động các đoàn thể:

- Đảng bộ: Tổ chức sinh hoạt truyền thống Kỷ niệm 94 năm ngày thành lập ĐCSVN (03/02/1930-03/02/2024). Cử 03 cán bộ viên chức tham gia học lớp sơ cấp chính trị.
- Công đoàn: Tổ chức hoạt động kỷ niệm 114 năm Ngày Quốc tế Phụ nữ (08/3/1910 - 08/3/2024), 1984 năm cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3)
- Chi đoàn: Tham gia các hoạt động phong trào do Thành đoàn tổ chức

6.2. Công tác cải cách hành chính:

Tiếp tục thực hiện phần mềm khám chữa bệnh, nhằm cải cách thủ tục khám chữa bệnh, các quy trình, qui định trong khám chữa bệnh như tiếp nhận bệnh, khám bệnh, cấp phát thuốc, chuyển viện...

6.3. Thực hiện quy chế dân chủ:

Ban hành Kế hoạch hoạt động thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2024. Thực hiện công khai, dân chủ những nội dung phải công khai theo qui định và quyết định theo đa số. Thực hiện số điện thoại đường dây nóng của lãnh đạo để kịp thời tiếp nhận phản ánh của người bệnh.

6.4. Kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng:

- Thực hiện công khai, dân chủ những nội dung phải công khai theo qui định và quyết định theo đa số. Thực hiện số điện thoại đường dây nóng của lãnh đạo để kịp thời tiếp nhận phản ánh của người bệnh.

6.5. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề hàng năm.

Thực hiện tốt chủ đề năm 2024 "Đẩy mạnh toàn diện việc chuyển đổi số, tạo đột phá trong phát triển du lịch".

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG
Hoạt động y tế tháng 04 năm 2024
(05/03/2024 đến 04/04/2024)

1. Công tác trọng tâm:

- Xây dựng dự toán chi hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 19/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 theo công văn số 775/SYT-TCCB ngày 1/3/2024 của Sở Y tế.

- Hoàn thành dự thảo bảng lương theo đề án vị trí việc làm gửi Sở Y tế.
- Đăng ký tên đề tài Nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến năm 2024.

2. Công tác dự phòng

- Tập trung giám sát, phát hiện và xử lý các bệnh truyền nhiễm và dịch, đặc biệt quan tâm đến dịch bệnh Tay Chân Miệng, đau mùa khi, đau mắt đỏ ở các trường Mầm non. Tăng cường điều tra xác minh các trường hợp bệnh viêm phổi do vi rút corona trong trường học và ngoài cộng đồng.

- Giám sát côn trùng theo kế hoạch định kỳ ở 02 điểm cố định, điều tra côn trùng theo tỷ lệ 30% của OD được xử lý.

- Quản lý và theo dõi tình hình điều trị các ca SR (+) ngoại lai đang ở tại Thành phố. Kiểm tra giám sát tình hình dân di biến từ những vùng Sốt rét lưu hành về TP.

- Thực hiện kế hoạch 1X và 2X cho công tác tầm soát lao chủ động. Thực hiện test IDR cho các đối tượng nguy cơ cao và điều trị dự phòng lao cho các đối tượng này theo tiêu chuẩn của Chương trình chống Lao quốc gia. Tư vấn lấy máu xét nghiệm HIV cho bệnh nhân lao đang điều trị tại tổ lao. Giám sát công tác quản lý, điều trị bệnh nhân lao kháng thuốc của 05 đơn vị. Tiếp tục hoàn thiện khám chữa bệnh lao theo Bảo hiểm y tế tại Khoa liên chuyên khoa; gửi mẫu đàm làm xét nghiệm Xpert bệnh nhân lao mới và bệnh nhân lao kháng thuốc theo quy định.

- Thực hiện quan trắc môi trường. Kiểm tra An toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở. Phối hợp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Văn phòng Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

3. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD):

- Truyền thông Ngày Thế giới phòng chống lao (24/3); Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3);

Tuần lễ an toàn vệ sinh lao động (từ ngày 15/3 – 21/3); Ngày nước sạch thế giới (22/3).

- Nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, tăng cường phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ phường, xã lồng ghép truyền thông cho các chị em hội viên về nâng cao chất lượng dân số, nâng cao mức sinh, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe tiền hôn nhân, ...

4. Công tác điều trị:

Thực hiện công tác chuyên môn khám chữa bệnh.

- Triển khai thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế

5. Hoạt động Phường Xã

- Tăng cường tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch bệnh.

- Phối hợp Khoa Kiểm soát bệnh tật thực hiện tiêm ngừa vắc xin phòng bệnh cho trẻ em

- Duy trì thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã.

6. Công tác cải cách hành chính:

Tiếp tục thực hiện phần mềm khám chữa bệnh. Nhằm cải cách thủ tục khám chữa bệnh, các quy trình, qui định trong khám chữa bệnh như tiếp nhận bệnh, khám bệnh, cấp phát thuốc, chuyển viện...

7. Thực hiện quy chế dân chủ:

Thực hiện công khai, dân chủ những nội dung phải công khai theo qui định và quyết định theo đa số. Thực hiện số điện thoại đường dây nóng của lãnh đạo để kịp thời tiếp nhận phản ánh của người bệnh.

8. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

Tiếp tục Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Tiền Giang;
- Văn phòng Thành ủy;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Văn phòng HĐND - UBND TPMT;
- Chi Cục thống kê; Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT TPMT (Ông Dũng);
- Đài TT-TH TPMT (Ông Tùng);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Thị Mỹ Dung